

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**  
Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày 05/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông

Ông Nguyễn Quang Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Văn T1**, sinh năm 1992; Nơi sinh: tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Bản C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2 và bà Nông Thị L; Tiền án: 01 tiền án, ngày 16/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 06 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2020 - Có mặt.

**- Bị hại:** Ông Vi Xuân T3; sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

Ông Vi Văn B; sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

**- Người làm chứng:** Anh Ma Kiến T4; sinh năm 1999; Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 02/02/2020, Lê Văn T1 cùng bạn là Ma Kiến T4 đi thả lưới bắt cá tại đoạn suối giáp ranh giữa thôn Đ, xã N, huyện K và xã Đ, huyện Đ.

Lúc này có ông Vi Văn B và ông Vi Xuân T3 cũng đi bắt cá ở khu vực chỗ gần T1 và T4 đang bắt cá. Trong lúc đi thả lưới bắt cá thì ông B và ông T3 có để 02 chiếc điện thoại di động vào trong cốp xe máy trên bờ suối. Khi T1 đi ngang qua chiếc xe trên thì thấy cốp xe không khóa nên mở ra và phát hiện 02 chiếc điện thoại trong cốp xe nên lấy và đi về nhà. Trên đường về nhà, T1 giấu 02 chiếc điện thoại trộm cắp được vào bụi cây bên bờ suối.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/BB – KLĐG, ngày 04/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Nô kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung, loại J2 màu bạc có giá trị 2.466.000 đồng; điện thoại di động OPPO loại Neo 9 màu bạc có giá trị 940.000 đồng. Tổng giá trị là 3.406.000 đồng tại thời điểm ngày 02/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Vi Văn B và ông Vi Xuân T3 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, loại J2 màu bạc; 01 điện thoại di động OPPO loại Neo 9 màu bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô đã trả lại cho ông Vi Văn B và ông Vi Xuân T3 là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 16/CTr-VKS ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo: Lê Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Vi Văn B, ông Vi Xuân T3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, vì vậy không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả chủ sở hữu ông Vi Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung loại J2 màu bạc; trả cho chủ sở hữu ông Vi Xuân T3 01 điện thoại di động OPPO loại Neo 9 màu bạc.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 02/02/2020 lợi dụng ông Vi Văn B và ông Vi Xuân T3 để điện thoại trong cốp xe máy không khóa bên bờ suối để bắt cá tại đoạn suối giáp ranh giữa thôn Đ, xã N, huyện K và xã Đ, huyện Đ. Bị cáo Lê Văn T1 đã lén lút trộm cắp 02 chiếc điện thoại của ông Vi Văn B và ông Vi Xuân T3. Tổng giá trị tài sản là 3.406.000 đồng tại thời điểm ngày 02/02/2020.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

### **Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”*

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, ngày 16/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 06 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. Xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 18 đến 24 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nặng so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, quá chú trọng đến nhân thân (tái phạm) của bị cáo. Xét toàn diện nội dung vụ án trên cơ sở xem xét các chứng cứ khác như bị cáo thực hiện hành vi phạm tội giản đơn, không có sự chuẩn bị từ trước, nảy sinh ý định trộm cắp khi bị hại không cảnh giác, đồ tài sản không khóa, không có người trông coi, giá trị tài sản trộm cắp không lớn, gần mức khởi điểm bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hơn nữa sau khi bị triệu tập bị cáo đã dẫn Cơ quan cảnh sát điều tra đi đến nơi đầu điện thoại để trả lại cho chủ sở hữu nên cần xử bị cáo thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại và bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận trả cho chủ sở hữu ông Vi Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung loại J2 màu bạc; trả cho chủ sở hữu ông Vi Xuân T3 01 điện thoại di động OPPO loại Neo 9 màu bạc.

[9]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T1 phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/02/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 của Bộ luật hình sự: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả cho chủ sở hữu ông Vi Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung loại J2 màu bạc; trả cho chủ sở hữu ông Vi Xuân T3 01 điện thoại di động OPPO loại Neo 9 màu bạc.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn T1 phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ công an huyện K;
- Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện K;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký, đóng dấu)

**Phạm Văn Cảnh**